

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 703/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 4 năm 2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2346/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh A, sinh năm 1990 - có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Bùi Phước P, sinh năm 1980 - Vắng mặt

Địa chỉ: Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2017 và các lời khai của bà Trần Thị Thanh A trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01/2010 ngày 11/02/2010. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009.

Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P.

-Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung: Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Bà tự thỏa thuận với ông P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về án phí ly hôn 300.000đồng, bà A đồng ý đóng theo quy định.

2. *Đối với bị đơn ông Bùi Phước P-Vắng mặt:* Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận B đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai để giải quyết vụ án ly hôn, giấy triệu tập tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án cũng không có mặt tại tòa tham gia tố tụng theo quy định.

Căn cứ vào đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05 tháng 3 năm 2018 của bà A, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn ông Bùi Phước P đã được niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

3. Đại diện Viện kiểm sát P biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài P biểu số 67/PB-HNGĐ ngày 19/4/2018. Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Không chấp nhận ý kiến của người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về Ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn ông Bùi Phước P có hộ khẩu thường trú tại quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[2]. *Về thủ tục:*

Bị đơn ông Bùi Phước P đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn bà Trần Thị Thanh A, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về yêu cầu của đương sự:*

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01/2010 ngày 11/02/2010 do Ủy ban nhân dân Phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp thì quan hệ giữa bà Trần Thị Thanh A và ông Bùi Phước P là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ đơn ly hôn ngày 16/11/2017, bản khai ngày 04/12/2017, biên bản hòa giải ngày 13/02/2018 bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn, nên bà A yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông P không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều này cho thấy ông P không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được..”

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà A và ông P đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về con chung: Ông P và bà A có 01 con chung tên: Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009. Xét thấy, từ khi sinh ra đến nay bà A là người trực tiếp nuôi con, hiện nay bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của trẻ Bùi Thị Hoàng A có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ, đồng thời trẻ là bé gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ phù hợp với sự P triển tâm sinh lý của trẻ nên yêu cầu của bà A được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh A được ly hôn với ông Bùi Phước P.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Thanh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của bà A không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Phước P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục 1 con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng ông P, bà A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Trần Thị Thanh A phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà An đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003421 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi
- Lưu hồ sơ...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng